ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44 /2026/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn tại Tờ trình số 332/TTr-STC ngày 20 tháng 6 năm 2026 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 379/BC-STP ngày 21 tháng 6 năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Lạng Sơn (ngoài tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; riêng đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số và máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước thì thực hiện theo Quyết định này) theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, được sửa đổi bởi các nội dung tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Quyết định số lượng và phân cấp thẩm quyền quyết định mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, được sửa đổi bởi điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định 10/2026/QĐ-TTg.

3. Quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo

quy định tại Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, được bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

Phân cấp thẩm quyền quyết định mức giá của máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trong trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

4. Phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 4 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, được sửa đổi bởi các nội dung tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.

2. Không áp dụng đối với cơ quan, đơn vị của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 3. Quyết định chủng loại, số lượng và phân cấp thẩm quyền quyết định mức giá đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn (ngoài tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; riêng đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số và máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước thì thực hiện theo Quyết định này) như sau:

1. Máy móc, thiết bị trang bị cho bộ phận một cửa (Trung tâm Phục vụ hành chính công) theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định.

2. Máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định.

3. Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các xã, phường quyết định mức giá đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng tại khoản 1, khoản 2 Điều này đảm bảo phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

Điều 4. Quyết định số lượng và phân cấp thẩm quyền quyết định mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số như sau:

1. Số lượng máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định.

Trường hợp chức danh được trang bị máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg thì không thực hiện trang bị máy móc, thiết bị tương ứng quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

Trường hợp tại phòng làm việc được trang bị máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg thì không thực hiện trang bị máy móc, thiết bị tương ứng quy định tại Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các xã, phường quyết định mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số trên cơ sở đảm bảo: phù hợp về yêu cầu kỹ thuật cơ bản, cấu hình tối thiểu của máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng; tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

Điều 5. Quyết định số lượng và phân cấp thẩm quyền quyết định mức giá đối với máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước như sau:

1. Số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trang bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị theo Phụ lục số 05 kèm theo Quyết định.

2. Mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước là mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Mục A, Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg. Trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg thì mức giá do các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các xã, phường quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Đối với máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

a) Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các xã, phường quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

b) Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các xã, phường quyết định điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng

Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các xã, phường quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu kỹ thuật cơ bản, cấu hình tối thiểu của máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ động, khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện.

2. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo theo đúng quy định.

3. Giao Sở Tài chính triển khai, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện các nội dung tại Quyết định này bảo đảm theo đúng quy định.

4. Đối với các đơn vị thực hiện sắp xếp lại (thành lập mới, sáp nhập, chia tách, giải thể) theo Quyết định của cấp có thẩm quyền, trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định này thì thực hiện việc quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định và theo Đề án được cấp có thẩm quyền được phê duyệt.

5. Trường hợp phát sinh nhu cầu trang bị thêm máy móc, thiết bị chuyên dùng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quyết định này, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối

hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 64/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và phân cấp thẩm quyền trong quản lý tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Lạng Sơn.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 9;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Báo và PTTH tỉnh, Cổng TTĐT, Công báo tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTTH(ĐTTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Thanh Sơn